TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 200/2022/HNGĐ-ST Ngày: 24-8-2022 V/v tranh chấp "Ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Thanh;
- Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Luận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 333/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm 1966; cư trú tại: Ấp BT, xã BP, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Chị Phùng Thị Ngọc H, sinh năm 1969; cư trú tại: Ấp BT, xã BP, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, anh Lê Văn T trình bày:

Anh và chị Phùng Thị Ngọc H đều đã từng có vợ, có chồng nhưng vợ anh chết còn chị H ly hôn chồng, anh có 03 người con riêng còn chị H có 02 con riêng. Cả hai có tình cảm và chung sống với nhau từ tháng 02 năm 2012, thời gian này chị H về làm xưởng may gần nhà anh. Đến ngày 15-5-2012 thì tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BP, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Đến ngày 28-02-2021, chị H nói với anh ở quê làm ăn không được nên đi Thành phố Hồ Chí Minh phụ nấu bếp cho công nhân, anh ở nhà không đi cùng, chị H có gọi điện thoại kêu anh lên làm chung nhưng anh không đi. Khoảng một tháng sau thì chị

H thuê nhà trọ sống như vợ chồng với người đàn ông khác, chị H có chụp hình, quay video và gửi cho anh, từ đó đến nay hai bên không còn liên lạc với nhau, anh có yêu cầu chị H về làm thủ tục ly hôn nhưng chị H không về. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn nên anh yêu cầu ly hôn với chị H.

Về con chung, nợ chung, tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù chị Phùng Thị Ngọc H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh T, vắng mặt trong các phiên họp và tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Lê Văn T và chị Phùng Thị Ngọc H tranh chấp về ly hôn; chị H cư trú tại ấp BT, xã BP, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Nguyên đơn, anh Lê Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn, chị Phùng Thị Ngọc H không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh T, chị H.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa anh Lê Văn T và chị Phùng Thị Ngọc H là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã BP, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 65, ngày 15-5-2012. Sau khi về chung sống vợ chồng, giữa anh T, chị H không xảy ra mâu thuẫn. Đến ngày 28-02-2021, chị H đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh và sau đó sống như vợ chồng với người khác nên vợ chồng không còn liên lạc với nhau, đến nay hai bên không có biện pháp gì hàn gắn. Mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn do anh T nêu, nhưng chị H không có ý kiến gì phản đối là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh, phía chị H cũng không đến Tòa để hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều đó đã cho thấy chị H không còn quan tâm đến hôn nhân với anh T. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"* và *"vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau"*. Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa anh T và chị H đã không còn tình nghĩa vợ chồng, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không còn nên mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của anh T là có căn cứ.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh T khai không có, hai bên đều không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Lê Văn T là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn T. Cho anh Lê Văn T được ly hôn với chị Phùng Thị Ngọc H.

2. Về án phí: Anh Lê Văn T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016259 ngày 26-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên xem như đã thi hành xong.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã BP, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực